SỞ Y TẾ CÀ MAU
BỆNH VIỆN ĐA KHOA CÀ MAU

Số: 322 / BV- VTYT
Về việc mời chào giá hoá chất, sinh phẩm xét nghiệm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 31 tháng 3 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ[1]

Kính gửi: Các nhà thầu, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh Viện Đa khoa Cà Mau có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm thiết bị y tế của Bệnh Viện Đa khoa Cà Mau với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa Cà Mau, Số 16 Hải Thượng Lãn Ông, Khóm 6, P. 6, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ths. Trần Thế Duy, phòng Vật tư thiết bị y tế, SĐT: 0901.092.186.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: phòng Vật tư thiết bị y tế, Bệnh viện Đa khoa Cà Mau, Số 16 Hải Thượng Lãn Ông, Khóm 6, P. 6, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Nhận qua email: vattuytecamau@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 07h ngày 01 tháng 04 năm 2025 đến trước 17h ngày 10 tháng 04 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ghi trên báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế: trong danh mục đính kèm.
   - Nhà thầu, nhà cung cấp có thể chào giá theo từng mặt hàng riêng biệt tuỳ theo khả năng.
   - Nhà thầu, nhà cung cấp vui lòng cung cấp catalog hoặc cung cấp hình ảnh, mô tả chi tiết cấu hình kỹ thuật của mặt hàng chào giá
   - Hình thức báo giá vui lòng theo Mẫu báo giá đính kèm (file excel).
2. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đa khoa Cà Mau. Địa chỉ: Số 16 Hải Thượng Lãn Ông, Khóm 6, P. 6, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 90 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hoá đơn, chứng từ.

5. Các thông tin khác (nếu có).

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH CÀ MAU
BỆNH VIỆN ĐA KHOA CÀ MAU

Tô Minh Nghị

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VTTBYT.

PHỤ LỤC DANH MỤC HÀNG HOÁ

(Kèm theo Thông báo số 322 /BV-VTYT ngày 31 / 3 /2025 của Bệnh viện Đa khoa Cà Mau)

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
1	HC-01	Bộ kit tách chiết đồng thời DNA và RNA của virus	Đây là một bộ kit tách chiết tự động RNA và DNA virus, được thiết kế để sử dụng trên máy QIAcube HT, với các thành phần hóa chất chuyên dụng để đảm bảo hiệu quả tách chiết cao. đảm bảo chất lượng và độ tin cậy.Ttương thích với máy QIAcube HT 96 giếng Xuất xứ: các nhóm nước G7	Test	3.840
2	HC-02	Bộ vật tư nhựa chạy máy	Vật tư tiêu hao nhựa dùng cho máy QIAcube HT. Thành phần gồm: Bộ vật tư tiêu hao hiết kế chuyên dụng cho máy QIAcube HT, đảm bảo quá trình tách chiết tự động diễn ra hiệu quả và chính xác. Các thành phần đều là vật tư tiêu hao nhựa, dùng một lần, giúp giảm thiểu nguy cơ nhiễm chéo. Số lượng các thành phần cho thấy khả năng xử lý số lượng mẫu lớn. Xuất xứ G7	Test	3.840
3	HC-03	Đầu côn lọc 200 µl	Đầu tip có lọc 200 µl, tương thích với máy tách chiết nucleic acid tự động.	Cái	5.760
4	HC-04	Bộ kit định lượng DNA virus HBV bằng kỹ thuật real-time PCR	Đây là bộ xét nghiệm Real-time PCR có độ nhạy và độ đặc hiệu cao, được thiết kế để định lượng DNA virus HBV trong huyết tương, với các thành phần và quy trình chuẩn hóa Xuất xứ: G7	Test	1.920
5	HC-05	Bộ kit định lượng RNA virus HCV bằng kỹ thuật real-time PCR	Đây là bộ xét nghiệm Real-time PCR được thiết kế để định lượng virus HCV trong huyết tương, với các thành phần và quy trình chuẩn hóa. Xuất xứ G7	Test	1.152
6	HC-06	Hóa chất định lượng Albumin trong máu	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Albumin. Hóa chất đã được sử dụng để tham gia chương trình ISO 15189. Xuất xứ Châu Âu.	ml	464
7	HC-07	Hóa chất đo hoạt độ ALT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT. Hóa chất đã được sử dụng để tham gia chương trình ISO 15189. Xuất xứ Châu Âu.	ml	9.300
8	HC-08	Hóa chất đo hoạt độ AST	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST. Hóa chất đã được sử dụng để tham gia chương trình ISO 15189. Xuất xứ Châu Âu.	ml	6.000
9	HC-09	Hóa chất định lượng Creatinine	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine. Mẫu xét nghiệm: Huyết thanh/huyết tương. Hóa chất đã được sử dụng để tham gia chương trình ISO 15189. Xuất xứ Châu Âu.	ml	17.544
10	HC-10	Hóa chất định lượng Cholesterol toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol. Hóa chất đã được sử dụng để tham gia chương trình ISO 15189. Xuất xứ Châu Âu.	ml	1080

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
11	HC-11	Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp. Hóa chất đã được sử dụng để tham gia chương trình ISO 15189. Xuất xứ Châu Âu.	ml	640
12	HC-12	Hóa chất đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm GGT. Xuất xứ Châu Âu.	ml	3.840
13	HC-13	Hóa chất định lượng Glucose	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose. Mẫu xét nghiệm: Huyết thanh, huyết tương, dịch não tủy. Hóa chất đã được sử dụng để tham gia chương trình ISO 15189. Xuất xứ Châu Âu.	ml	6.400
14	HC-14	Hóa chất định lượng HDL-Cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HDL-Cholesterol. Xuất xứ G7.	ml	7.388
15	HC-15	Hóa chất định lượng sắt	Hóa chất dùng cho xét nghiệm sắt. Xuất xứ G7.	ml	600
16	HC-16	Hóa chất định lượng Lactate	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Lactate. Xuất xứ G7.	ml	840
17	HC-17	Hóa chất đo hoạt độ LDH	Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDH. Xuất xứ Châu Âu.	ml	720
18	HC-18	Hóa chất định lượng Bilirubin toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin toàn phần. Hóa chất đã được sử dụng để tham gia chương trình ISO 15189. Xuất xứ Châu Âu.	ml	960
19	HC-19	Hóa chất định lượng Protein toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Protein toàn phần. Mẫu xét nghiệm: Huyết thanh, huyết tương. Xuất xứ Châu Âu.	ml	1.920
20	HC-20	Hóa chất định lượng Triglyceride	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglyceride. Xuất xứ Châu Âu.	ml	3.250
21	HC-21	Hóa chất định lượng Urea	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea/Urea Nitrogen. Mẫu xét nghiệm: Huyết thanh, huyết tương. Hóa chất đã được sử dụng để tham gia chương trình ISO 15189. Xuất xứ Châu Âu.	ml	1.696
22	HC-22	Hóa chất định lượng Uric Acid	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid. Mẫu xét nghiệm: Huyết thanh, huyết tương. Hóa chất đã được sử dụng để tham gia chương trình ISO 15189. Xuất xứ Châu Âu.	ml	960
23	HC-23	Hóa chất đo hoạt độ Amylase	Hóa chất dùng cho xét nghiệm α-Amylase. Mẫu xét nghiệm: Huyết thanh, huyết tương. Xuất xứ Châu Âu.	ml	1.120
24	HC-24	Hóa chất đo hoạt độ CK-MB (isozym MB of Creatine kinase)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CK-MB. Xuất xứ Châu Âu.	ml	2.880
25	HC-25	Hóa chất định lượng Protein (niệu, dịch não tuỷ)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Protein niệu, dịch não tủy. Xuất xứ Châu Âu.	ml	158

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
26	HC-26	Hóa chất định lượng Albumin trong nước tiểu và dịch não tuỷ	Hóa chất dùng để định lượng nồng độ Albumin trong nước tiểu, dịch não tủy. Xuất xứ G7.	ml	2.664
27	HC-27	Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm đo hoạt độ CK-MB	Hoá chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CK-MB. Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme. Xuất xứ G7.	Lọ	12
28	HC-28	Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL-Cholesterol. Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa HDL-Cholesterol. Xuất xứ G7.	Lọ	6
29	HC-29	Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy	Hoá chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy. Thành phần: Huyết thanh người, các enzym từ người, động vật và thực vật. Xuất xứ G7.	Lọ	15
30	HC-30	Hoá chất hiệu chuẩn Albumin trong nước tiểu và dịch não tuỷ	Hoá chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Albumin trong nước tiểu/CSF. Xuất xứ G7.	Hộp	3
31	HC-31	Hoá chất kiểm chứng mức 1 dùng cho xét nghiệm đo hoạt độ CK-MB	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm CK-MB. Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme. Xuất xứ G7.	Lọ	30
32	HC-32	Hoá chất kiểm chứng mức 2 dùng cho xét nghiệm đo hoạt độ CK-MB	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho xét nghiệm CK-MB. Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme. Xuất xứ G7.	Lọ	30
33	HC-33	Hoá chất kiểm chứng mức 1 dùng cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy. Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô, chứa hóa chất phụ gia và các enzym thích hợp có nguồn gốc từ con người và động vật. Xuất xứ G7.	Lọ	36
34	HC-34	Hoá chất kiểm chứng mức 2 dùng cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy. Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô, có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp có nguồn gốc từ người và động vật. Xuất xứ G7.	Lọ	36
35	HC-35	Hoá chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng HDL/LDL-Cholesterol	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol. Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô, có chứa HDL-Cholesterol và LDL-Cholesterol (người). Xuất xứ Châu Âu.	Lọ	20

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
36	HC-36	Hoá chất kiểm chứng mức 1 dùng cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	Hóa chất kiểm chứng huyết thanh người dạng lỏng. Thành phần: Huyết thanh người, α-1 acid glycoprotein, Ferritin, α-1 antitrypsin, Haptoglobin, Anti-Streptolysin O, Immunoglobulin A, β-2 microglobulin, Immunoglobulin G, Ceruloplasmin, Immunoglobulin M, Complement 3, Prealbumin, Complement 4, Rheumatoid Factor, C-reactive protein, Transferrin. Xuất xứ G7.	Lọ	26
37	HC-37	Hoá chất kiểm chứng mức 2 dùng cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	Hóa chất kiểm chứng huyết thanh người dạng lỏng. Thành phần: Huyết thanh người, α-1 acid glycoprotein, Ferritin, α-1 antitrypsin, Haptoglobin, Anti-Streptolysin O, Immunoglobulin A, β-2 microglobulin, Immunoglobulin G, Ceruloplasmin, Immunoglobulin M, Complement 3, Prealbumin, Complement 4, Rheumatoid Factor, C-reactive protein, Transferrin. Xuất xứ G7.	Lọ	26
38	HC-38	Hoá chất kiểm chứng mức 3 dùng cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	Hóa chất kiểm chứng huyết thanh người dạng lỏng. Thành phần: Huyết thanh người, α-1 acid glycoprotein, Ferritin, α-1 antitrypsin, Haptoglobin, Anti-Streptolysin O, Immunoglobulin A, β-2 microglobulin, Immunoglobulin G, Ceruloplasmin, Immunoglobulin M, Complement 3, Prealbumin, Complement 4, Rheumatoid Factor, C-reactive protein, Transferrin. Xuất xứ G7.	Lọ	2
39	HC-39	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hoá	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hoá tự động. Xuất xứ Châu Âu.	Can	28
40	HC-40	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm Protein đặc biệt nhóm 1	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm miễn dịch độ đục. Thành phần: Chứa các lượng khác nhau của các protein ở người, bao gồm: Immunoglobulin G, Immunoglobulin A, Immunoglobulin M, Transferrin, C3, C4, Anti-Streptolysin O, Ferritin. Xuất xứ G7.	Hộp	4
41	HC-41	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Dạng dung dịch. Thành phần: Dung dịch đệm chứa amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat. Xuất xứ Châu Âu.	Hộp	10
42	HC-42	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Dạng dung dịch. Thành phần: Dung dịch đệm chứa amoniac, ethanol, và natri hydrocarbonat. Xuất xứ Châu Âu.	Hộp	10
43	HC-43	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Dạng dung dịch. Thành phần: Dung dịch đệm chứa đệm amoniac, ethanol, và natri hydrocarbonat. Xuất xứ Châu Âu.	Hộp	4
44	HC-44	Hóa chất định lượng Ethanol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ethanol Xuất xứ Châu Âu.	ml	3.564

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
45	HC-45	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm Protein đặc biệt nhóm 2	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm protein đặc biệt. Thành phần: Huyết thanh người, chứa các protein từ người, bao gồm: α-1 acid glycoprotein, α-1 antitrypsin, β-2 microglobulin, Ceruloplasmin, Haptoglobin. Xuất xứ G7.	Hộp	1
46	HC-46	Hóa chất định lượng LDL-cholesterol (Low density lipoprotein Cholesterol)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng LDL-cholesterol, Dải đo: 0,26 - 10,3 mmol/L. Xuất xứ G7.	ml	7.388
47	HC-47	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL-cholesterol	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL. Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô, chứa LDL-Cholesterol (người). Xuất xứ G7.	Hộp	5
48	HC-48	Hóa chất đo hoạt độ Lipase	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Lipase. Xuất xứ G7.	ml	996
49	HC-49	Ống lấy mẫu máu lắng	Ống lấy mẫu cho xét nghiệm máu lắng. Xuất xứ G7.	Cái	8.000
50	HC-50	Hóa chất định lượng D-3-Hydroxybutyrate	Hóa chất dùng cho xét nghiệm D-3-Hydroxybutyrate. Xuất xứ Châu Âu.	ml	2.250
51	HC-51	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hoá mức 3	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người. Xuất xứ Châu Âu.	Lọ	6
52	HC-52	Hóa chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa mức 1	Hóa chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 1. Xuất xứ Châu Âu.	Lọ	15
53	HC-53	Hóa chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa mức 2	Hóa chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 2. Xuất xứ Châu Âu.	Lọ	15
54	HC-54	Hóa chất định lượng RF	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng RF. Phương pháp: Đo độ đục miễn dịch. Xuất xứ G7.	ml	576
55	HC-55	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng RF	Hóa chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm RF. Thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng chứa RF người. Xuất xứ G7.	ml	15
56	HC-56	Hóa chất định lượng CRP	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CRP. Xuất xứ G7.	ml	6.960
57	HC-57	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP thường	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP thường. Thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng, có chứa CRP người. Chất hiệu chuẩn: Gồm mức 2 đến mức 6. Giá trị được gán: Theo tiêu chuẩn IFCC bằng phương pháp miễn dịch đo độ đục. Xuất xứ G7.	ml	50

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
58	HC-58	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP có độ nhạy cao	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP độ nhạy cao. Thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng, có chứa CRP người. Chất hiệu chuẩn: Gồm mức 2 đến mức 6. Giá trị được gán: Theo tiêu chuẩn IFCC bằng phương pháp miễn dịch đo độ đục. Xuất xứ G7.	ml	20
59	HC-59	Hóa chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm sinh hoá nước tiểu	Hóa chất kiểm chứng dạng lỏng dùng cho các xét nghiệm nước tiểu, được sản xuất từ vật liệu có nguồn gốc từ con người. Thành phần: Chất nền là nước tiểu người, có bổ sung amylase nước tiểu của người, hCG có nguồn gốc từ nước tiểu người, albumin của người và bò, chất bảo quản, và chất ổn định. Xuất xứ G7.	Hộp	3
60	HC-60	Dây bơm nhu động	Dây bơm nhu động bằng cao su và nhựa, dài tối thiểu 10cm.	Túi	2
61	HC-61	Bóng đèn	Bóng đèn Halogen 12V, 20W.Xuất xứ G7 hoặc Châu Âu	Cái	2
62	HC-62	Hóa chất đo hoạt độ ALP (Alkalin Phosphatase)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ALP. Xuất xứ Châu Âu.	ml	960
63	HC-63	Hóa chất định lượng Cystatin C (Cys C)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cystatin C. Xuất xứ Châu Âu.	ml	600
64	HC-64	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm Cystatin C (Cys C)	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm Cystatin C. Dạng: Lỏng. Thành phần: Huyết thanh người, natri azide. Xuất xứ Châu Âu.	ml	48
65	HC-65	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Cystatin C (Cys C)	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Cystatin C Dạng: Lỏng Thành phần: Huyết thanh người, natri azide Xuất xứ: Châu Âu	ml	6
66	HC-66	Dung dịch rửa kim hút mẫu máy miễn dịch	Dung dịch rửa kim (dung dịch dưỡng kim) dùng cho máy miễn dịch tự động, giúp ngăn ngừa các chất không đặc hiệu bám vào kim. Xuất xứ Châu Âu.	chai	8
67	HC-67	Nắp hộp hóa chất	Màng ngăn dùng cho máy miễn dịch tự động. Xuất xứ G7.	cái	1.000
68	HC-68	Nắp thay thế	Nắp thay thế dùng cho máy miễn dịch tự động. Xuất xứ G7.	cái	100
69	HC-69	Dung dịch rửa dùng cho máy miễn dịch	Dung dịch rửa dùng cho máy miễn dịch tự động. Thành phần: Dung dịch muối đệm phosphate. Phải pha loãng trước khi sử dụng. Xuất xứ Châu Âu.	chai	112
70	HC-70	Cốc phản ứng	Cốc phản ứng dùng cho máy miễn dịch tự động. Xuất xứ G7.	cái	64.000

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
71	HC-71	Dung dịch phản ứng phát quang chạy trên máy miễn dịch	Dung dịch Trigger là dung dịch natri hydroxit, được sử dụng để tạo ra phản ứng phát quang hóa học, cung cấp kết quả đọc cuối cùng. Xuất xứ Châu Âu.	chai	84
72	HC-72	Dung dịch tiền xử lý chạy trên máy miễn dịch	Dung dịch tiền xử lý dùng cho máy miễn dịch tự động. Thành phần: Hydrogen peroxide. Xuất xứ Châu Âu.	chai	76
73	HC-73	Hóa chất hiệu chuẩn NT-proBNP	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm miễn dịch định lượng peptide tăng bài tiết natri gốc N-terminal pro tuýp B trong huyết thanh và huyết tương. Xuất xứ G7.	ml	144
74	HC-74	Hóa chất kiểm chứng NT-proBNP	Hóa chất kiểm chứng xét nghiệm miễn dịch định lượng peptide tăng bài tiết natri gốc N-terminal pro tuýp B trong huyết thanh và huyết tương. Xuất xứ G7.	ml	192
75	HC-75	Hóa chất định lượng NT-proBNP	Xét nghiệm miễn dịch định lượng peptide tăng bài tiết natri gốc N-terminal pro tuýp B trong huyết thanh và huyết tương. Xuất xứ G7.	Test	5.500
76	HC-76	Hóa chất hiệu chuẩn HS Troponin	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm miễn dịch định lượng troponin tim (cTnI) trong huyết tương và huyết thanh. Xuất xứ Châu Âu.	ml	120
77	HC-77	Hóa chất kiểm chứng HS Troponin	Hoá chất kiểm chứng xét nghiệm miễn dịch định lượng troponin tim (cTnI) trong huyết tương và huyết thanh. Xuất xứ Châu Âu.	ml	144
78	HC-78	Hóa chất định lượng HS Troponin	Xét nghiệm miễn dịch định lượng troponin tim (cTnI) trong huyết tương và huyết thanh. Xuất xứ Châu Âu.	Test	15.200
79	HC-79	Hóa chất hiệu chuẩn AFP	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm miễn dịch định lượng alpha-fetoprotein (AFP). Xuất xứ Châu Âu.	ml	120
80	HC-80	Hóa chất kiểm chứng AFP	Hoá chất kiểm chứng xét nghiệm miễn dịch định lượng alpha-fetoprotein (AFP). Xuất xứ Châu Âu.	ml	144
81	HC-81	Hóa chất định lượng AFP	Xét nghiệm miễn dịch định lượng alpha-fetoprotein (AFP). Xuất xứ Châu Âu.	Test	3.200
82	HC-82	Hóa chất hiệu chuẩn CEA	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang định lượng kháng nguyên ung thư biểu mô phôi (Carcinoembryonic Antigen - CEA) trong huyết thanh và huyết tương người. Xuất xứ Châu Âu.	ml	40
83	HC-83	Hóa chất kiểm chứng CEA	Hóa chất kiểm chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang định lượng kháng nguyên ung thư phôi (Carcinoembryonic Antigen - CEA) trong huyết thanh và huyết tương. Xuất xứ Châu Âu.	ml	48

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
84	HC-84	Hóa chất định lượng CEA	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang, dùng để định lượng kháng nguyên ung thư biểu mô phôi (Carcinoembryonic Antigen - CEA) trong huyết thanh và huyết tương người. Xuất xứ Châu Âu.	Test	4.000
85	HC-85	Hóa chất kiểm chứng chung	Mẫu kiểm chứng cho một số xét nghiệm miễn dịch. Xuất xứ Châu Âu.	ml	240
86	HC-86	Hóa chất hiệu chuẩn Thyroglobulin	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm miễn dịch định lượng thyroglobulin (Tg) trong huyết thanh và huyết tương người. Xuất xứ G7.	ml	96
87	HC-87	Hóa chất kiểm chứng Thyroglobulin	Hóa chất kiểm chứng xét nghiệm miễn dịch định lượng thyroglobulin (Tg) trong huyết thanh và huyết tương người. Xuất xứ G7.	ml	120
88	HC-88	Hóa chất định lượng Thyroglobulin	Xét nghiệm miễn dịch định lượng thyroglobulin (Tg) trong huyết thanh và huyết tương người. Xuất xứ G7.	Test	2.000
89	HC-89	Hóa chất hiệu chuẩn Anti-Tg	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm miễn dịch định lượng kháng thể IgG của kháng thể tự miễn Thyroglobulin (anti-Tg) trong huyết thanh và huyết tương người. Xuất xứ G7.	ml	96
90	HC-90	Hóa chất định lượng Anti-Tg	Xét nghiệm miễn dịch định lượng kháng thể IgG của kháng thể tự miễn Thyroglobulin (anti-Tg) trong huyết thanh và huyết tương người. Xuất xứ G7.	Test	1.200
91	HC-91	Hóa chất hiệu chuẩn TRAb	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm miễn dịch định lượng kháng thể kháng thụ thể hormon kích thích tuyến giáp (TRAb) trong huyết thanh người. Xuất xứ G7.	ml	96
92	HC-92	Hóa chất kiểm chứng TRAb	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm miễn dịch định lượng kháng thể kháng thụ thể hormon kích thích tuyến giáp (TRAb) trong huyết thanh người. Xuất xứ G7.	ml	120
93	HC-93	Hóa chất định lượng TRAb	Xét nghiệm miễn dịch định lượng kháng thể kháng thụ thể hormon kích thích tuyến giáp (TRAb) trong huyết thanh người. Xuất xứ G7.	Test	1.500
94	HC-94	Hóa chất hiệu chuẩn PCT	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm miễn dịch định lượng procalcitonin (PCT) trong huyết thanh và huyết tương. Xuất xứ G7.	ml	60
95	HC-95	Hóa chất kiểm chứng PCT	Hóa chất kiểm chứng xét nghiệm miễn dịch định lượng procalcitonin (PCT) trong huyết thanh và huyết tương. Xuất xứ G7.	ml	108
96	HC-96	Hóa chất định lượng PCT	Xét nghiệm miễn dịch định lượng procalcitonin (PCT) trong huyết thanh và huyết tương. Xuất xứ G7.	Test	3.500

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
97	HC-97	Hóa chất hiệu chuẩn Cortisol	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm miễn dịch định lượng cortisol trong huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu. Xuất xứ G7.	ml	96
98	HC-98	Hóa chất định lượng Cortisol	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch định lượng cortisol trong huyết thanh, huyết tương hay nước tiểu. Xuất xứ G7.	Test	3.500
99	HC-99	Hóa chất hiệu chuẩn iVancomycin	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm miễn dịch in vitro định lượng vancomycin trong huyết thanh hoặc huyết tương. Xuất xứ Châu Âu.	ml	120
100	HC-100	Hóa chất định lượng iVancomycin	Xét nghiệm miễn dịch in vitro định lượng vancomycin trong huyết thanh hoặc huyết tương. Xuất xứ Châu Âu.	Test	1.800
101	HC-101	Hóa chất hiệu chuẩn Anti-CCP	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm miễn dịch bán định lượng kháng thể tự miễn IgG đặc hiệu với peptid citrullin hóa dạng vòng (cyclic citrullinated peptide - CCP) trong huyết thanh hoặc huyết tương. Xuất xứ G7.	ml	129
102	HC-102	Hóa chất kiểm chứng Anti-CCP	Hóa chất kiểm chứng xét nghiệm miễn dịch bán định lượng kháng thể tự miễn IgG đặc hiệu với peptid citrullin hoá dạng vòng (cyclic citrullinated peptide - CCP) trong huyết thanh hay huyết tương. Xuất xứ G7.	ml	70
103	HC-103	Hóa chất định lượng Anti-CCP	Xét nghiệm miễn dịch bán định lượng kháng thể tự miễn IgG đặc hiệu với peptid citrullin hóa dạng vòng (cyclic citrullinated peptide - CCP) trong huyết thanh hoặc huyết tương. Xuất xứ G7.	Test	2.000
104	HC-104	Hóa chất nhuộm huỳnh quang dùng để đếm các bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit (trên kênh đo WDF)	Công dụng: Được sử dụng để đánh dấu các bạch cầu trong mẫu máu đã pha loãng và ly giải, giúp phân loại các thành phần bạch cầu bằng máy xét nghiệm huyết học tự động. Hóa chất đã được sử dụng để tham gia chương trình ISO 15189. Xuất xứ G7.	ml	2.268
105	HC-105	Hóa chất nhuộm huỳnh quang dùng đếm bạch cầu ưa bazơ (trên kênh đo WNR)	Công dụng: Được sử dụng để đánh dấu các tế bào có nhân trong mẫu máu đã pha loãng và ly giải, nhằm xác định số lượng bạch cầu, số lượng hồng cầu có nhân và số lượng bạch cầu ái kiềm trong máu bằng máy xét nghiệm huyết học tự động. Hóa chất đã được sử dụng để tham gia chương trình ISO 15189. Xuất xứ G7.	ml	2.460

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
106	HC-106	Hóa chất dùng để rửa và tắt máy.	Công dụng: Chất tẩy rửa có tính kiềm mạnh, dùng để loại bỏ thuốc thử ly giải, dư lượng tế bào và protein trong máu còn sót lại trong hệ thống thủy lực của máy xét nghiệm huyết học tự động. Xuất xứ G7.	ml	1.600
107	HC-107	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng để đo nồng độ Hemoglobin.	Công dụng: Dùng để đo nồng độ hemoglobin trong máu. Hóa chất đã được sử dụng để tham gia chương trình ISO 15189.	ml	54.000
108	HC-108	Hóa chất ly giải màng tế bào bạch cầu trung tính lympho, mono và ưa axit (kênh đo WDF)	Công dụng: Dung dịch ly giải cho máy xét nghiệm huyết học tự động, sử dụng kết hợp với dung dịch nhuộm để nhuộm tế bào có nhân trong mẫu, giúp phân loại bạch cầu. Hóa chất đã được sử dụng để tham gia chương trình ISO 15189.	lít	170
109	HC-109	Hóa chất ly giải màng tế bào bạch cầu, hồng cầu nhân (trên kênh đo WNR)	Công dụng: Thuốc thử được kết hợp và sử dụng với dung dịch nhuộm để phân loại nhóm và số lượng bạch cầu ái kiềm, số lượng hồng cầu nhân, cũng như tỷ lệ hồng cầu nhân được phân tích. Hóa chất đã được sử dụng để tham gia chương trình ISO 15189.	lít	170
110	HC-110	Hóa chất pha loãng dùng cho máy huyết học	Hóa chất pha loãng dùng cho máy huyết học Công dụng: Dùng để đo lường số lượng và kích thước của hồng cầu và tiểu cầu bằng phương pháp tập trung dòng chảy thủy động học. Khi kết hợp với thuốc thử ly giải được chỉ định, dung dịch này cũng hỗ trợ trong việc xác định nồng độ hemoglobin. Hóa chất đã được sử dụng để tham gia chương trình ISO 15189.	lít	4.800
111	HC-111	Mẫu nội kiểm level 1 cho chế độ phân tích máu toàn phần (XN Check L2)	Mẫu nội kiểm Level 1 cho chế độ phân tích máu toàn phần (XN Check L2) Công dụng: Chất chuẩn cho máy xét nghiệm huyết học với bảng giá trị ≥ 49 thông số báo cáo. Thành phần: Bao gồm tế bào RBC và WBC ở người, PLT, NRBC, được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. Xuất xứ G7.	Lọ	30
112	HC-112	Mẫu nội kiểm level 2 cho chế độ phân tích máu toàn phần (XN Check L3)	Mẫu nội kiểm Level 2 cho chế độ phân tích máu toàn phần (XN Check L3) Công dụng: Chất chuẩn cho máy xét nghiệm huyết học với bảng giá trị ≥ 49 thông số báo cáo. Thành phần: Bao gồm tế bào RBC và WBC ở người, PLT, NRBC, được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. Xuất xứ G7.	Lọ	30

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
113	HC-113	Mẫu nội kiểm level 3 cho chế độ phân tích máu toàn phần (XN Check L1)	Mẫu nội kiểm Level 3 cho chế độ phân tích máu toàn phần (XN Check L1) Công dụng: Chất chuẩn cho máy xét nghiệm huyết học với bảng giá trị ≥ 49 thông số báo cáo. Thành phần: Bao gồm tế bào RBC và WBC ở người, PLT, NRBC, được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. Xuất xứ G7.	Lọ	30
114	HC-114	Hóa chất xét nghiệm PT	Hóa chất dùng để xác định thời gian đông máu Prothrombin (PT) trong huyết tương người chống đông bằng natri citrat. Công dụng: Xác định thời gian đông máu Prothrombin (PT). Độ tái lập tổng quát: PT% < 10% PT giây < 5% PT INR < 5% Xuất xứ G7.	ml	2.120
115	HC-115	Hóa chất xét nghiệm APTT	Hóa chất dùng để định lượng thời gian Thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT) trong huyết tương người chống đông bằng natri citrat. Độ tái lập tổng thể trung bình: CV% < 8%. Xuất xứ G7.	ml	1.120
116	HC-116	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen	Hóa chất xét nghiệm định lượng Fibrinogen trong huyết tương người chống đông bằng sodium citrate. Xuất xứ G7.	ml	1.100
117	HC-117	Hóa chất xét nghiệm D-Dimer	Hóa chất xét nghiệm định lượng sản phẩm thoái giáng fibrin liên kết chéo (D-dimers) trong huyết tương người chống đông bằng sodium citrate. Calibrator: Thuốc thử đông khô chứa huyết tương người, chế phẩm D-dimer từ người (sau hoàn nguyên: 5.0 mg/L FEU), đệm/chất ổn định, và chất bảo quản (bao gồm trong bộ thuốc thử). Xuất xứ G7.	ml	249
118	HC-118	Hóa chất kiểm chứng D-Dimer	Vật liệu kiểm soát trong giới hạn bình thường và bệnh lý cho xét nghiệm D-Dimer. Thành phần: Thuốc thử đông khô chứa huyết tương người. Xuất xứ G7.	ml	30
119	HC-119	Dung dịch rửa kim	Dung dịch rửa kim hút dùng cho máy xét nghiệm đông máu hoàn toàn tự động. Xuất xứ G7.	ml	1.800
120	HC-120	Dung dịch rửa máy	Chất tẩy rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu hoàn toàn tự động. Xuất xứ G7.	ml	3.500

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
121	HC-121	Mẫu nội kiểm 1	Vật liệu kiểm soát trong giới hạn bình thường cho các xét nghiệm đông máu: Thời gian prothrombin (PT), Thời gian thromboplastin từng phần hoạt hóa (APTT), Thời gian thrombin (TT), Fibrinogen, Antithrombin III (ATIII). Xuất xứ G7.	ml	150
122	HC-122	Mẫu nội kiểm 2	Vật liệu kiểm soát cho các xét nghiệm đông máu trong khoảng giới hạn từ trung bình đến cao của giới hạn điều trị trong liệu pháp kháng đông đường uống. Giá trị kiểm soát được cung cấp cho các xét nghiệm PT và APTT. Xuất xứ G7.	ml	150
123	HC-123	Dung dịch Calcium Chloride	Dung dịch Calcium Chloride được sử dụng làm thuốc thử bổ sung cho các xét nghiệm đông máu. Thành phần: Chất lỏng sẵn sàng sử dụng chứa: Calcium Chloride (0.025 mol/L). Xuất xứ G7.	ml	1.200
124	HC-124	Hóa chất đệm pha loãng mẫu	Dung dịch đệm pha loãng dùng cho các xét nghiệm đông máu. Xuất xứ G7.	ml	2.100
125	HC-125	Hóa chất kiểm chuẩn	Vật liệu kiểm soát trong giới hạn bệnh lý cho các xét nghiệm đông máu: Thời gian Prothrombin (PT) Thời gian Thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT) Fibrinogen (phương pháp Clauss) Các yếu tố đông máu: II, V, VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII và vWF Chất ức chế: Antithrombin III, Protein C, Protein S, α2-antiplasmin, Chất ức chế C1, Plasminogen Thời gian Thrombin Thành phần: Thuốc thử đông khô chứa huyết tương người. Xuất xứ G7.	ml	110
126	HC-126	Cóng phản ứng sử dụng trên máy đông máu tự động	Cóng phản ứng dùng cho máy xét nghiệm đông máu tự động. Xuất xứ G7.	Cái	69.000
127	HC-127	Hóa chất định tính kháng thể anti-HCV	Hóa chất định tính kháng thể anti-HCV. Xuất xứ G7.	test	6.600
128	HC-128	Hóa chất xét nghiệm kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B	Hóa chất xét nghiệm kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B. Xuất xứ G7.	test	7.300
129	HC-129	Hóa chất định lượng nồng độ hormone kích thích tuyến giáp (TSH)	Hóa chất định lượng nồng độ hormone kích thích tuyến giáp (TSH). Xuất xứ G7.	test	7.000
130	HC-130	Hóa chất định lượng nồng độ hormone T3 tự do	Hóa chất định lượng nồng độ hormone T3 tự do. Xuất xứ G7.	test	4.700
131	HC-131	Hóa chất định lượng nồng độ hormone T4 tự do	Hóa chất định lượng nồng độ hormone T4 tự do. Xuất xứ G7.	test	7.000

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
132	HC-132	Hóa chất nền hóa phát quang	Hóa chất nền hóa phát quang. Xuất xứ G7.	ml	6.600
133	HC-133	Dung dịch rửa phân tách	Dung dịch rửa phân tách cho máy xét nghiệm miễn dịch. Xuất xứ G7.	lít	120
134	HC-134	Dung dịch rửa đường ống	Dung dịch rửa đường ống cho máy xét nghiệm miễn dịch. Xuất xứ G7.	lít	2.300
135	HC-135	Dung dịch rửa kim hút	Dung dịch rửa kim hút cho máy xét nghiệm miễn dịch. Xuất xứ G7.	ml	21.500
136	HC-136	Dung dịch pha loãng mẫu	Dung dịch pha loãng mẫu cho máy xét nghiệm miễn dịch. Xuất xứ G7.	ml	40
137	HC-137	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HBsAg	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HBsAg. Xuất xứ G7.	ml	36
138	HC-138	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm Anti-HCV	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti-HCV. Xuất xứ G7.	ml	12
139	HC-139	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm TSH	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm TSH. Xuất xứ G7.	ml	36
140	HC-140	Hóa chất hiệu chuẩncho xét nghiệm FT3	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm FT3. Xuất xứ G7.	ml	36
141	HC-141	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm FT4	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm FT4. Xuất xứ G7.	ml	36
142	HC-142	Hóa chất kiểm chứng cho các xét nghiệm: HCVAb, HBsAg, TPAb, HIVAb	Hóa chất kiểm chứng cho các xét nghiệm: HCVAb, HBsAg, TPAb, HIVAb. Xuất xứ G7.	ml	90
143	HC-143	Hóa chất kiểm chứng cho các xét nghiệm:miễn dịch	Hóa chất kiểm chứng cho các xét nghiệm:miễn dịch: TSH, FT3, FT4, PSA, AFP, CEA, CA125, CA19-9, Ferritin, Insulin và CA15-3. Xuất xứ G7.	ml	90
144	HC-144	Cuvette	Cuvette Xuất xứ G7.	cái	30.000
145	HC-145	Đầu côn dùng một lần	Đầu côn dùng một lần Xuất xứ G7.	cái	30.000
146	HC-146	Dung dịch pha loãng	Dung dịch pha loãng có chức năng ổn định thể tích hồng cầu và tiểu cầu, tạo động lực cho tập trung dòng chảy, đồng thời đóng vai trò như chất tráng rửa. Xuất xứ G7.	lít	3.360
147	HC-147	Dung dịch ly giải hồng cầu	Dung dịch ly giải nhanh chóng hồng cầu, loại bỏ tế bào chất của bạch cầu và giữ nguyên vẹn nhân tế bào. Đồng thời, chuyển hóa hemoglobin thành phức hợp chromagen ổn định. Xuất xứ G7.	lít	95

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
148	HC-148	Dung dịch bách phân bạch cầu	Dung dịch pha loãng cho bạch cầu, ly giải hồng cầu bằng áp suất thẩm thấu, giúp duy trì tính chất tán xạ của bạch cầu. Đồng thời, đóng vai trò là chất pha loãng cho hồng cầu lưới. Xuất xứ G7.	lít	323
149	HC-149	Dung dịch rửa kim	Dung dịch vệ sinh dùng để loại bỏ protein tích tụ và mảnh vụn trong buồng đếm, dòng chảy tế bào và các ống trong máy xét nghiệm huyết học tự động.. Xuất xứ G7.	ml	600
150	HC-150	Dung dịch chuẩn (control) máy	Dung dịch kiểm chứng huyết học được sử dụng để đánh giá độ chính xác của máy phân tích huyết học. Thành phần: Thuốc thử máu toàn phần có thể chứa một hoặc tất cả các thành phần sau: tế bào hồng cầu ổn định của người hoặc động vật có vú, tế bào bạch cầu mô phỏng của người và động vật có vú, cùng với thành phần tiểu cầu trong môi trường bảo quản. Xuất xứ G7.	Hộp	40
151	HC-151	Card 8 giếng	Card 8 giếng Gel dùng để xác định Coombs trực tiếp, Coombs gián tiếp, và Crossmatch. Mỗi giếng chứa môi trường AHG. Xuất xứ Châu Âu.	card	1.000
152	HC-152	Card 8 giếng xác định nhóm máu ABO / Rh bằng 2 phương pháp huyết thanh mẫu và hồng cầu mẫu	Đây là card xét nghiệm nhóm máu có 8 giếng, sử dụng các kháng thể đơn dòng (Monoclonal Anti-A, -B, -AB, -D) và gel trung tính, có độ nhạy cao Xuất xứ Châu Âu.	card	21.600
153	HC-153	Dung dịch bảo quản	Dung dịch LISS chứa dung dịch đệm có cường độ ion thấp, giúp giảm nồng độ ion trong môi trường và tăng cường khả năng hình thành phản ứng phức hợp kháng thể - kháng nguyên. Xuất xứ Châu Âu.	Hộp	48
154	HC-154	Khay đựng mẫu pha loãng	Khay đựng mẫu dùng cho máy định nhóm máu.	Khay	4
155	HC-155	Card 8 giếng xét nghiệm hòa hợp trong môi trường muối	Card 8 giếng chứa gel trung tính (Neutral Gel), được sử dụng trong phản ứng đo chéo, tự chứng bằng kỹ thuật enzyme, sàng lọc và xác định các kháng thể bất thường, cũng như xét nghiệm nhóm máu ABO. Xuất xứ Châu Âu.	card	1.200
156	HC-156	Kháng thể kháng A	Hóa chất xác định nhóm máu A. Thành phần: Kháng thể đơn dòng.	Lọ	55
157	HC-157	Kháng thể kháng B	Hóa chất xác định nhóm máu B. Thành phần: Kháng thể đơn dòng .	Lọ	55
158	HC-158	Kháng thể kháng D/rh	Hóa chất xác định nhóm máu Rh (D). Thành phần: kháng thể đơn dòng .	Lọ	55
159	HC-159	Que xét nghiệm nước tiểu	Que xét nghiệm nước tiểu 11 thông số : Glucose, Ketones, Protein, pH, Blood, Nitrite, Leukocytes, Specific Gravity, Bilirubin, Urobilinogen, Ascorbic Acid . Xuất xứ G7.	Test	98.100

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
160	HC-160	Chất kiểm chứng dành cho xét nghiệm nước tiểu	Chất kiểm chứng dành cho máy xét nghiệm nước tiểu. Bao gồm 2 mức bình thường và bệnh lý. Bao gồm các chỉ số: Ascorbic Acid Bilirubin , Blood , Glucose , Ketones , Leucocytes , Nitrite , pH , Protein , Specific Gravity và Urobilinogen. Xuất xứ G7.	ml	390
161	HC-161	Chương trình Ngoại kiểm Sinh Hóa	Chương trình ngoại kiểm sinh hóa đáp ứng trên 50 thông số sinh hóa thường quy, bao gồm bộ mỡ, hormone và kim loại vi lượng hoặc tương đương. Chu kỳ bắt đầu từ tháng 1 đến tháng 12 hằng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm RIQAS, được triển khai tại các trung tâm kiểm chuẩn. Xuất xứ G7.	ống	12
162	HC-162	Chương trình Ngoại kiểm Miễn Dịch	Chương trình ngoại kiểm miễn dịch đáp ứng trên 50 thông số, bao gồm thuốc trị liệu, hormone và dấu ấn ung thư hoặc tương đương. Chu kỳ bắt đầu từ tháng 1 đến tháng 12 hằng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm RIQAS, được triển khai tại các trung tâm kiểm chuẩn. Xuất xứ G7.	ống	12
163	HC-163	Chương trình Ngoại kiểm Đông Máu	Chương trình ngoại kiểm Đông máu đáp ứng 5 thông số Đông máu cơ bản hoặc tương đương. Chu kỳ bắt đầu từ tháng 1 đến tháng 12 hằng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm RIQAS, được triển khai tại các trung tâm kiểm chuẩn. Xuất xứ G7.	ống	12
164	HC-164	Chương trình Ngoại kiểm Khí Máu	Chương trình ngoại kiểm Khí máu đáp ứng 11 thông số khí máu, Glucose và Điện giải, hoặc tương đương. Chu kỳ bắt đầu từ tháng 1 đến tháng 12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm RIQAS, được triển khai tại các trung tâm kiểm chuẩn. Xuất xứ G7.	ống	12
165	HC-165	Chương trình ngoại kiểm huyết học	Chương trình ngoại kiểm Huyết học đáp ứng 11 thông số công thức máu, hoặc tương đương. Chu kỳ bắt đầu từ tháng 1 đến tháng 12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm RIQAS, được triển khai tại các trung tâm kiểm chuẩn. Xuất xứ G7.	ống	12
166	HC-166	Chương trình ngoại kiểm Hemoglobin	Chương trình ngoại kiểm HbA1c đáp ứng 2 thông số, hoặc tương đương. Chương trình bắt đầu từ tháng 1 đến tháng 12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm RIQAS, được triển khai tại các trung tâm kiểm chuẩn. Bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C. Xuất xứ G7.	ống	12
167	HC-167	Chương trình ngoại kiểm Tim mạch	Chương trình ngoại kiểm Tim mạch đáp ứng 11 thông số dấu ấn tim mạch, hoặc tương đương. Chương trình bắt đầu từ tháng 1 đến tháng 12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm RIQAS, được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Xuất xứ G7.	ống	12

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
168	HC-168	Chương trình ngoại kiểm Ammonia/ Ethanol	Dạng lỏng, sử dụng cho chương trình ngoại kiểm với 2 thông số: ammonia và ethanol. Xuất xứ G7.	ống	12
169	HC-169	Chương trình ngoại kiểm tốc độ máu lắng	Chương trình ngoại kiểm tốc độ máu lắng gồm 1 thông số ESR. Chu kỳ bắt đầu từ tháng 3 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas, được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Dạng lỏng, bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C. Tần suất phân tích: 2 mẫu/quý. Xuất xứ G7.	ống	12
170	HC-170	Chương trình ngoại kiểm sinh hóa nước tiểu	Chương trình ngoại kiểm Sinh hóa nước tiểu đáp ứng 25 thông số hoặc tương đương, bao gồm cả thông số ACR, Amylase, Copper. Chu kỳ bắt đầu từ tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas, được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Dạng đông khô, có nguồn gốc từ mẫu trộn nước tiểu người, bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C. Tần suất phân tích: 2 tuần/lần. Xuất xứ G7.	ống	12
171	HC-171	Bộ hoá chất đo điện giải đồ (Na/K/Cl/Ca/PH)	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm các thông số điện giải, xác định nồng độ Na, K, Cl, Ca, pH trong mẫu huyết thanh, huyết tương trên máy phân tích điện giải của hãng SFRI. Xuất xứ G7.	Bộ	70
172	HC-172	Dung dịch hiệu chuẩn 3 nồng độ	Hóa chất hiệu chuẩn dùng cho máy phân tích điện giải đồ tự động. Xuất xứ G7.	ml	540
173	HC-173	Dung dịch khử protein trong điện cực	Dung dịch nạp điện cực tham chiếu cho các máy phân tích điện giải. Xuất xứ G7.	ml	90
174	HC-174	Dung dịch rửa điện cực	Dung dịch dùng để rửa điện cực Na của các máy phân tích điện giải Thành phần: Sodium fluorite < 1 %. Xuất xứ G7.	ml	90
175	HC-175	Điện cực Ref/Na/K/Cl/Ca	Điện cực Reference/Na/K/Cl/Ca dùng cho máy phân tích điện giải đồ. Xuất xứ G7.	Cái	7
176	HC-176	Dung dịch rửa kim	Dung dịch rửa dùng cho các máy phân tích điện giải Thành phần: Hypochlorite de sodium < 0,1%, Surfactant < 1,0%, Conservateurs < 0,05 % Xuất xứ G7.	ml	720
177	HC-177	Hóa chất hiệu chuẩn dùng cho máy xét nghiệm khí máu GASTAT-710.	Hóa chất hiệu chuẩn được sử dụng cho máy xét nghiệm khí máu GASTAT-710. Xuất xứ G7.	Bình	24

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
178	HC-178	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm khí máu GASTAT-710	Dung dịch chứa đệm, chất hoạt động bề mặt, chất khử trùng và nước khử ion, tương thích với máy xét nghiệm khí máu GASTAT-710. Xuất xứ G7.	Bình	42
179	HC-179	Hóa chất kiểm chuẩn 3 mức dành cho máy xét nghiệm khí máu GASTAT-710	Chất kiểm chứng gồm dung dịch nước chứa muối, chất chuyển hóa và thuốc nhuộm, được cân bằng với một hỗn hợp khí đã biết, tương thích với máy xét nghiệm khí máu GASTAT-710. Xuất xứ G7.	ml	990
180	HC-180	Cổng nhận mẫu	Cổng nhận mẫu. Xuất xứ G7.	Chiếc	6
181	HC-181	Bộ ống dây bơm	Bộ ống dây bơm tương thích với máy xét nghiệm khí máu GASTAT-710. Xuất xứ G7.	Túi	5
182	HC-182	Bộ ống dây	Bộ ống dây tương thích với máy xét nghiệm khí máu GASTAT-710. Xuất xứ G7.	Bộ	1
183	HC-183	Điện cực pH	Điện cực pH tương thích với máy xét nghiệm khí máu GASTAT-710. Xuất xứ G7.	Chiếc	3
184	HC-184	Điện cực pO2	Điện cực pO2 tương thích với máy xét nghiệm khí máu GASTAT-710. Xuất xứ G7.	Chiếc	2
185	HC-185	Điện cực pCO2	Điện cực pCO2 tương thích với máy xét nghiệm khí máu GASTAT-710. Xuất xứ G7.	Chiếc	2
186	HC-186	Vỏ điện cực tham chiếu	Vỏ điện cực tham chiếu tương thích với máy xét nghiệm khí máu GASTAT-710. Xuất xứ G7.	Cái	2
187	HC-187	Lõi điện cực tham chiếu	Lõi điện cực tham chiếu tương thích với máy xét nghiệm khí máu GASTAT-710. Xuất xứ G7.	Cái	2
188	HC-188	Flow cell	Flow cell (cell đo mẫu) được dùng để tính toán chỉ số hemoglobin. Xuất xứ G7.	Cái	2
189	HC-189	Dung dịch rửa kim được sử dụng cho máy định nhóm máu tự động.	Dung dịch được sử dụng để rửa hệ thống liên quan đến chất lỏng và kim hút của máy định nhóm máu tự động bằng phương pháp Gelcard (≥8 giếng). Thành phần: Tối thiểu chứa dung dịch muối đậm đặc, chất màu và chất bảo quản. Xuất xứ Châu Âu.	Chai	156
190	HC-190	Dung dịch rửa hệ thống được sử dụng cho máy định nhóm máu tự động.	Dung dịch được sử dụng để rửa hệ thống liên quan đến chất lỏng và kim hút của máy định nhóm máu tự động bằng phương pháp Gelcard (≥8 giếng). Thành phần: Tối thiểu chứa dung dịch muối đậm đặc, chất màu và chất bảo quản. Xuất xứ Châu Âu.	Chai	156

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
191	HC-191	Gel card được sử dụng để định nhóm máu ABO/Rh bằng hai phương pháp: huyết thanh mẫu và hồng cầu mẫu.	Gel card có từ 8 giếng trở lên, mỗi card 1 test, dùng để định nhóm máu ABO và Rh bằng phương pháp huyết thanh mẫu và hồng cầu mẫu. Giếng 1: Anti-A Giếng 2: Anti-B Giếng 3: Anti-AB Giếng 4: Anti-D Giếng 5: Anti-D' (Anti-D có khả năng phát hiện D yếu và D từng phần, bao gồm DVI) Giếng 6: Ctl (dung dịch đệm không có kháng thể) Giếng 7: N (dung dịch đệm không có kháng thể) Giếng 8: N (dung dịch đệm không có kháng thể). Bảo quản: Ở nhiệt độ 2 - 25°C. Xuất xứ Châu Âu.	card	15.000
192	HC-192	Gel card Coombs trực tiếp được sử dụng để thực hiện phản ứng hòa hợp nhóm máu ở 37°C.	Gel card được sử dụng để xét nghiệm sàng lọc và định danh kháng thể bất thường, xét nghiệm hòa hợp, tự chứng bệnh nhân, Coombs trực tiếp, và Coombs gián tiếp trên hệ thống phân tích nhóm máu, sử dụng phương pháp gel card ≥ 8 giếng. Thành phần: Tối thiểu chứa vi hạt trong môi trường AHG có kháng thể đa dòng. Bảo quản: Ở nhiệt độ 2 - 25°C. Xuất xứ Châu Âu.	card	2.800
193	HC-193	Dung dịch pha loãng hồng cầu được sử dụng cho máy định nhóm máu tự động	Dung dịch pha loãng hồng cầu được sử dụng trên hệ thống phân tích nhóm máu bằng phương pháp gel card ≥ 8 giếng. Xuất xứ Châu Âu.	ml	21.600
194	HC-194	Gel card định nhóm máu bằng phương pháp hồng cầu mẫu và thực hiện phản ứng hòa hợp nhóm máu ở 22°C.	Gel card được sử dụng để xét nghiệm định nhóm ABO bằng phương pháp hồng cầu mẫu, phản ứng chéo, sàng lọc kháng thể bất thường, và tự chứng bệnh nhân trên hệ thống phân tích nhóm máu, sử dụng phương pháp gel card ≥ 8 giếng. Thành phần: Tối thiểu chứa vi hạt trong môi trường đệm và chất bảo quản. Bảo quản: Ở nhiệt độ 2 - 25°C. Xuất xứ Châu Âu.	card	2.900
195	HC-195	Hóa chất xét nghiệm PT	Hóa chất xét nghiệm PT trên máy đông máu tự động, trong đó giá trị hiệu chuẩn được thiết lập sẵn cho tất cả thuốc thử cùng lô và nhập dữ liệu bằng mã vạch. Thuốc thử 1: Chứa thromboplastin đông khô được chiết xuất từ não thỏ, đồng thời có một chất ức chế heparin đặc hiệu. Thuốc thử 2: Dung môi hòa tan có chứa canxi. Xuất xứ G7.	ml	3.660
196	HC-196	Hóa chất xét nghiệm APTT	Hóa chất dùng để xác định thời gian thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT) trong huyết tương, chứa cephalin từ mô não thỏ và dung dịch đệm kaolin. Xuất xứ G7.	ml	1.740

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
197	HC-197	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen	Hóa chất chứa thrombin người đã citrat hóa, có canxi (khoảng 100 NIH units/ml) và một chất ức chế heparin đặc hiệu, cho phép phân tích fibrinogen trong mẫu huyết tương có heparin. Xuất xứ G7.	ml	1.584
198	HC-198	Cóng đo dùng cho hệ thống máy đông máu tự động.	Cuvette nhựa dùng một lần, bên trong có bi bằng thép không gỉ. Xuất xứ G7.	cái	84.000
199	HC-199	Dung dịch rửa máy cho hệ thống máy đông máu tự động.	Dung dịch rửa pha sẵn cho hệ thống phân tích đông máu tự động, chứa chất diệt nấm họ ether glycol, được pha loãng trong dung môi nước. Xuất xứ Châu Âu.	ml	525.000
200	HC-200	Hóa chất rửa kim cho hệ thống máy đông máu tự động.	Hóa chất khử nhiễm cho hệ thống máy đông máu, chứa potassium hydroxide với nồng độ <1%. Thời gian sử dụng trên máy: 5 – 14 ngày, tùy theo dòng máy phân tích. Xuất xứ G7.	ml	9.900
201	HC-201	Dung dịch pha loãng mẫu cho xét nghiệm đông máu.	Dung dịch pha loãng (dung dịch đệm) dùng cho xét nghiệm đông máu, có pH khoảng 7,35. Xuất xứ G7.	ml	4.320
202	HC-202	Dung dịch Canxi Clorua 0,025 M dạng lỏng, dùng cho các xét nghiệm đông máu.	Dung dịch Canxi Clorua 0,025 M được sử dụng trong các xét nghiệm đông máu, như thời gian hoạt hóa thromboplastin từng phần (APTT) hoặc phân tích các yếu tố của con đường nội sinh. Xuất xứ G7.	ml	1.800
203	HC-203	Hóa chất nội kiểm đông máu thường quy gồm 2 mức.	Huyết tương người bình thường và bất bình thường có citrated, dạng đông khô, gồm hai mức nồng độ khác nhau của các chỉ số đông máu thường quy: PT, aPTT, TT, Fibrinogen và Antithrombin. Ổn định trong 24 giờ trên máy. Xuất xứ G7.	ml	480
204	HC-204	Hóa chất định lượng ferritin	Xét nghiệm miễn dịch định lượng Ferritin trong huyết thanh và huyết tương người. Xuất xứ G7.	Test	6.200
205	HC-205	Hóa chất hiệu chuẩn Ferritin	Hóa chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm miễn dịch định lượng Ferretin. Xuất xứ G7.	ml	120
206	HC-206	Cơ chất phát quang	Thành phần: Dung dịch đệm chứa dioxetane Lumigen PPD, chất huỳnh quang và chất hoạt tính bề mặt. Xuất xứ G7.	ml	20.280
207	HC-207	Hóa chất định lượng total PSA	Xét nghiệm miễn dịch định lượng total PSA trong huyết thanh và huyết tương người. Xuất xứ G7.	Test	3.700
208	HC-208	Hóa chất hiệu chuẩn total PSA	Hóa chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm miễn dịch định lượng total PSA gồm các mức S1, S2, S3, S4, S5. Nồng độ PSA trong huyết thanh theo hiệu chuẩn của WHO. Xuất xứ G7.	ml	75

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
209	HC-209	Hóa chất định lượng Free T3	Xét nghiệm miễn dịch định lượng nồng độ hormone T3 tự do. Xuất xứ G7.	Test	2.400
210	HC-210	Hóa chất hiệu chuẩn Free T3	Hóa chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng Free T3. Xuất xứ G7.	ml	75
211	HC-211	Hóa chất định lượng Free T4	Xét nghiệm miễn dịch định lượng nồng độ hormone T4 tự do. Xuất xứ G7.	Test	3.000
212	HC-212	Hóa chất hiệu chuẩn Free T4	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Free T4. Xuất xứ G7.	ml	75
213	HC-213	Hóa chất định lượng TSH	Xét nghiệm miễn dịch định lượng nồng độ hormone kích thích tuyến giáp (TSH). Xuất xứ G7.	Test	3.000
214	HC-214	Hóa chất hiệu chuẩn TSH	Hóa chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng TSH. Xuất xứ G7.	ml	75
215	HC-215	Hóa chất kiểm chứng hãng thứ 3 cho các xét nghiệm miễn dịch 3 mức	Dạng đông khô Thành phần: 100% huyết thanh người. Các chỉ số kiểm tra: β–2–Microglobulin CA15-3 CA19-9 CA125 Growth Hormone (GH) Oestradiol Paracetamol 1-25-$(OH)_2$-Vitamin D Đặc điểm nổi bật: Ổn định đến hạn ở 2-8°C. Mức Ferritin và Vitamin B12 phù hợp để theo dõi bệnh thiếu máu. Nồng độ TSH rất thấp (mức 1). Ổn định sau khi hoàn nguyên trong 7 ngày ở 2-8°C hoặc 28 ngày ở -20°C. Xuất xứ G7.	ml	120
216	HC-216	Hóa chất định lượng Cortisol	Xét nghiệm miễn dịch định lượng Cortisol trong huyết thanh và huyết tương người. Xuất xứ G7.	Test	6.000
217	HC-217	Hóa chất hiệu chuẩn Cortisol	Hóa chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng Cortisol, chứa 0 µg/dL (nmol/L) cortisol. Bao gồm các mức hiệu chuẩn: S1, S2, S3, S4, S5: Cortisol (hợp chất hóa học tinh khiết) trong huyết thanh người với các nồng độ xấp xỉ 2, 5, 10, 25 và 60 µg/dL. Xuất xứ G7.	ml	144
218	HC-218	Dung dịch rửa máy hàng ngày	Thành phần: KOH 1-5%. Xuất xứ G7.	Bình	2

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
219	HC-219	Cốc đựng mẫu dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Cốc đựng mẫu dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch. Thành phần: Polystyrene. Xuất xứ G7.	Cái	2.000
220	HC-220	Hóa chất định lượng CA 15-3	Xét nghiệm miễn dịch định lượng CA 15-3 trong huyết thanh và huyết tương người. Xuất xứ G7.	Test	3.000
221	HC-221	Hóa chất hiệu chuẩn CA 15-3	Hóa chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng CA 15-3. S1, S2, S3, S4, S5: Kháng nguyên CA 15-3 ở các nồng độ xấp xỉ 10, 50, 100, 500 và 1.000 U/mL. Xuất xứ G7.	ml	54
222	HC-222	Hóa chất định lượng IL-6 (Interleukin 6)	Xét nghiệm miễn dịch định lượng IL-6 (Interleukin-6) trong huyết thanh và huyết tương người. Xuất xứ G7.	Test	2.400
223	HC-223	Hóa chất hiệu chuẩn IL-6	Hóa chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng IL-6. Xuất xứ G7.	ml	83
224	HC-224	Hóa chất kiểm chứng IL-6	Hóa chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng IL-6, gồm các thành phần: QC1, QC2, QC3. Xuất xứ G7.	ml	90
225	HC-225	Dung dịch rửa máy hàng ngày	Thành phần chính: Acid hữu cơ. Xuất xứ G7.	Bình	2
226	HC-226	Hóa chất xét nghiệm kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B	Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch enzym một bước. Kháng thể đơn dòng đặc hiệu HBsAg (chuột) liên hợp với phosphatase kiềm (tái tổ hợp). Xuất xứ G7.	Test	3.600
227	HC-227	Hóa chất hiệu chuẩn HBsAg	Hóa chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm HBsAg gồm: C0: Chất hiệu chuẩn âm tính. C1: Chất hiệu chuẩn dương tính. Xuất xứ G7.	ml	27
228	HC-228	Hóa chất kiểm chứng HBsAg	Hóa chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm HBsAg gồm: QC1: Huyết tương người được khử xơ, HBsAg âm tính. QC2: Huyết tương người được khử xơ, HBsAg dương tính. Xuất xứ G7.	ml	144
229	HC-229	Hóa chất xét nghiệm kháng thể kháng virus viêm gan C	Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch hóa phát quang sử dụng hạt thuận từ để định tính kháng thể kháng vi rút viêm gan C trong huyết thanh và huyết tương người. Xuất xứ G7.	Test	3.600

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
230	HC-230	Hóa chất hiệu chuẩn HCV Ab	Hóa chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm HCV Ab gồm: C0: Chất hiệu chuẩn âm tính – Huyết thanh người âm tính (không phản ứng). C1: Chất hiệu chuẩn dương tính – Huyết thanh người dương tính (phản ứng) dành cho kháng thể kháng HCV. Xuất xứ G7.	ml	10
231	HC-231	Hóa chất kiểm chứng HCV Ab V3	Hóa chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm HCV Ab gồm: QC1: Chất kiểm chứng âm tính. QC2: Chất kiểm chứng dương tính. Xuất xứ G7.	ml	84
232	HC-232	Hóa chất định lượng Vitamin B12	Xét nghiệm miễn dịch định lượng Vitamin B12 trong huyết thanh và huyết tương người. Xuất xứ G7.	Test	2.400
233	HC-233	Hóa chất hiệu chuẩn Vitamin B12	Hóa chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm Vitamin B12 gồm: S0: Chất nền đệm có albumin huyết thanh người (HSA). S1, S2, S3, S4, S5: Vitamin B12 với nồng độ xấp xỉ lần lượt là 100, 250, 500, 900 và 1.500 pg/mL. Xuất xứ G7.	ml	120
234	HC-234	Hóa chất định lượng Folate	Xét nghiệm miễn dịch định lượng Folate trong huyết thanh và huyết tương người. Xuất xứ G7.	Test	2.400
235	HC-235	Hóa chất hiệu chuẩn Folate	Hóa chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm Folate. Thành phần: S0: Chất nền đệm chứa albumin huyết thanh người (HSA). S1, S2, S3, S4, S5: Folate (axit pteroylglutamic) trong chất nền đệm.. Xuất xứ G7.	ml	96
236	HC-236	Hóa chất định lượng EPO	Xét nghiệm miễn dịch định lượng EPO trong huyết thanh và huyết tương người. Xuất xứ G7.	Test	2.200
237	HC-237	Hóa chất hiệu chuẩn EPO	Hóa chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm EPO trong huyết thanh và huyết tương người. Xuất xứ G7.	ml	90
238	HC-238	Hóa chất định lượng 25(OH) vitamin D (DxI) (toàn phần)	Xét nghiệm miễn dịch định lượng Vitamin D trong huyết thanh và huyết tương người. Xuất xứ G7.	Test	2.200
239	HC-239	Hóa chất hiệu chuẩn 25(OH) Vitamin D (DxI) (toàn phần)	Hóa chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng 25(OH) Vitamin D gồm các thành phần sau: S0: Huyết thanh người. S1, S2, S3, S4, S5: Huyết thanh người với nồng độ 25(OH) vitamin D Xuất xứ G7.	ml	42

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
240	HC-240	Giếng phản ứng	Chất liệu: Polypropylene. Dung tích tối đa: 1 mL. Xuất xứ G7.	Cái	129.000
241	HC-241	Dung dịch rửa dùng cho máy miễn dịch tự động	Thành phần: Dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt.	lít	2.280
242	HC-242	Hóa chất kiểm chứng cho các xét nghiệm tim mạch gồm mức 1, 2, 3	Hóa chất kiểm chứng dạng lỏng từ huyết thanh người. Nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng các hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ protein tái tổ hợp, mô hoặc dịch cơ thể người. Xuất xứ G7.	ml	72
243	HC-243	Hóa chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1 (áp dụng cả cho các xét nghiệm chỉ tố khối u).	Hóa chất kiểm chứng dạng lỏng từ huyết thanh người. Nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô hoặc dịch cơ thể người. Sử dụng chung cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1. Xuất xứ G7.	Lọ	24
244	HC-244	Hóa chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2 (áp dụng cả cho các xét nghiệm chỉ tố khối u).	Hóa chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô hoặc dịch cơ thể người. Sử dụng chung cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2. Xuất xứ G7.	Lọ	24
245	HC-245	Hóa chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3 (áp dụng cả cho các xét nghiệm chỉ tố khối u).	Hóa chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô hoặc dịch cơ thể người. Sử dụng chung cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3. Xuất xứ G7.	Lọ	24
246	HC-246	Liquichek Specialty Immunoassay Control Level 1	Hóa chất kiểm chứng mức 1 chứa thành phần huyết thanh từ người, cùng với các giá trị chất chuẩn của các thông số xét nghiệm: 25-Hydroxy Vitamin D, Anti-TG, Anti-Thyroperoxidase (Anti-TPO), C-Peptide, Erythropoietin (EPO), IGF-1/Somatomedin C, Osteocalcin, PTH (Intact). Xuất xứ G7.	ml	45
247	HC-247	Liquichek Specialty Immunoassay Control Level 2	Hóa chất kiểm chứng mức 2 chứa thành phần huyết thanh từ người, cùng với các giá trị chất chuẩn của các thông số xét nghiệm: 25-Hydroxy Vitamin D, Anti-TG, Anti-Thyroperoxidase (Anti-TPO), C-Peptide, Erythropoietin (EPO), IGF-1/Somatomedin C, Osteocalcin, PTH (Intact). Xuất xứ G7.	ml	45
248	HC-248	Liquichek Specialty Immunoassay Control Level 3	Hóa chất kiểm chứng mức 3 chứa thành phần huyết thanh từ người, cùng với các giá trị chất chuẩn của các thông số xét nghiệm: 25-Hydroxy Vitamin D, Anti-TG, Anti-Thyroperoxidase (Anti-TPO), C-Peptide, Erythropoietin (EPO), IGF-1/Somatomedin C, Osteocalcin, PTH (Intact). Xuất xứ G7.	ml	45

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
249	HC-249	Dung dịch kiểm tra hệ thống dùng cho máy phân tích miễn dịch	Dung dịch kiểm tra hệ thống dùng cho máy phân tích miễn dịch. Thành phần: Phosphatase kiềm, 1% albumin huyết thanh bò (BSA), 0,25% ProClin 300, <0,1% natri azide hoạt tính. Xuất xứ G7.	ml	24
250	HC-250	Hóa chất định lượng PTH	Xét nghiệm miễn dịch định lượng PTH trong huyết thanh và huyết tương người. Xuất xứ G7.	Test	2.000
251	HC-251	Hóa chất hiệu chuẩn PTH	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng iPTH. Thành phần chính: Đệm PBS, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azide, PTH (kháng nguyên tổng hợp) ở các mức nồng độ khác nhau. Xuất xứ G7.	ml	84
252	HC-252	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1 (áp dụng cả cho các xét nghiệm chỉ tố khối u, TgAb và TPO Ab)	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1 (áp dụng cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u, TgAb và TPO Ab). Xuất xứ G7.	ml	25
253	HC-253	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2 (áp dụng cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u, TgAb và TPO Ab)	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2 (áp dụng cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u, TgAb và TPO Ab). Xuất xứ G7.	ml	25
254	HC-254	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3 (áp dụng cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u, TgAb và TPO Ab)	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3 (áp dụng cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u, TgAb và TPO Ab). Xuất xứ G7.	ml	25
255	HC-255	Hóa chất xét nghiệm sinh học phân tử định lượng vi rút HIV-1	Hóa chất xét nghiệm sinh học phân tử cho phép định lượng vi rút HIV-1, tích hợp chất chứng nội và tách chiết mẫu tự động trong bộ hóa chất xét nghiệm PCR. Vùng gene đích kép bao gồm vùng LTR và bổ sung POL (gen polymerase). Độ đặc hiệu: 100%. Xuất xứ: Châu Âu.	Test	700
256	HC-256	Hoá chất dùng cho máy xét nghiệm khí máu	Hộp đo chứa các cảm biến, thuốc thử, các thành phần điện tử và chất lỏng cần thiết để phân tích các mẫu bệnh nhân, QC cũng như hiệu chuẩn hệ thống máy khí máu tự động, thực hiện cho 400 mẫu. Các cảm biến trong hộp đo dành cho hệ thống khí máu có khả năng đo các chỉ số: pH, pO_2, pCO_2, Na^+, K^+, Ca^{2+}, Cl^-, glucose, lactate, hemoglobin toàn phần, oxyhemoglobin, deoxyhemoglobin, methemoglobin, carboxyhemoglobin và bilirubin. Hộp đo cần được bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C. Xuất xứ G7.	Test	9.600

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
257	HC-257	Hoá chất rửa/thải cho máy khí máu	Hóa chất rửa/thải chứa thuốc thử rửa để làm sạch đường dẫn mẫu sau khi phân tích và hiệu chuẩn. Đồng thời, hộp cũng lưu trữ chất thải lỏng. Xuất xứ G7.	Bộ	72
258	HC-258	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho máy khí máu	Hóa chất kiểm chứng mức 1 dành cho pH/khí máu, điện giải và các chất chuyển hóa. Thành phần bao gồm bộ đệm bicarbonate chứa Na^+, K^+, Ca^{2+}, Cl^-, carbon dioxide, oxygen, nitơ, glucose, lactate và thuốc nhuộm. Xuất xứ G7.	lọ	150
259	HC-259	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho máy khí máu	Hóa chất kiểm chứng mức 2 dành cho pH/khí máu, điện giải và các chất chuyển hóa. Thành phần bao gồm bộ đệm bicarbonate chứa Na^+, K^+, Ca^{2+}, Cl^-, carbon dioxide, oxygen, nitơ, glucose, lactate và thuốc nhuộm. Xuất xứ G7.	lọ	150
260	HC-260	Hóa chất kiểm chứng mức 3 cho máy khí máu	Hóa chất kiểm chứng mức 3 dành cho pH/khí máu, điện giải và các chất chuyển hóa. Thành phần bao gồm bộ đệm bicarbonate chứa Na^+, K^+, Ca^{2+}, Cl^-, carbon dioxide, oxygen, nitơ, glucose, lactate và thuốc nhuộm. Xuất xứ G7.	lọ	150
261	HC-261	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Gồm 2 ngưỡng tuyến tính huyết thanh/máu, nước tiểu Sodium (Na): Potassium (K): Chloride (Cl): Calcium (Ca): Ngưỡng tuyến tính nước tiểu: Sodium (Na): Potassium (K): Chloride (Cl):	Hộp	92
262	HC-262	Hóa chất kiểm chứng cho máy xét nghiệm điện giải	Hóa chất kiểm chứng cho máy xét nghiệm điện giải bao gồm: Mức 1: Giá trị thấp cho Na^+, K^+, Cl^-, Li^+; giá trị cao cho Ca^{2+}. Mức 2: Giá trị thông thường. Mức 3: Giá trị cao cho Na^+, K^+, Cl^-, Li^+; giá trị thấp cho Ca^{2+}.	Hộp	18
263	HC-263	Dung dịch điều hòa điện cực Natri	Dung dịch điều hòa diện cực Natri, nhằm tăng độ chính xác của điện cực.	Lọ	4
264	HC-264	Điện cực Na+	Điện cực Natri dùng cho máy xét nghiệm điện giải.	Cái	2
265	HC-265	Điện cực K+	Điện cực Kali dùng cho máy xét nghiệm điện giải.	Cái	2
266	HC-266	Điện cực Cl-	Điện cực Clo dùng cho máy xét nghiệm điện giải.	Cái	2
267	HC-267	Điện cực Ca2+	Điện cực Canxi dùng cho máy xét nghiệm điện giải.	Cái	2

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
268	HC-268	Cột sắc ký trao đổi ion	Hóa chất cho máy định lượng Hemoglobin A1c dựa trên phương pháp sắc ký lỏng cao áp (HPLC). Được sử dụng trong chẩn đoán trong ống nghiệm để đo lường Hemoglobin A1c (HbA1c) trong mẫu máu toàn phần. Cột được đóng gói sẵn với hạt nhựa resin trao đổi cation. Xuất xứ G7.	Hộp	7
269	HC-269	Màng lọc	Màng lọc cho máy định lượng Hemoglobin A1c dựa trên phương pháp sắc ký lỏng cao áp (HPLC). Xuất xứ G7.	gói	6
270	HC-270	Dung môi ly giải số 1	Dung môi ly giải được sản xuất cho máy định lượng Hemoglobin A1c, dựa trên phương pháp sắc ký lỏng cao áp (HPLC). Được sử dụng trong chẩn đoán trong ống nghiệm để đo	ml	36.000
271	HC-271	Dung môi ly giải số 2		ml	24.000
272	HC-272	Dung môi ly giải số 3		ml	24.000
273	HC-273	Dung dịch rửa và ly giải	Dung dịch rửa và ly giải được sản xuất cho các máy định lượng Hemoglobin A1c, dựa trên phương pháp sắc ký lỏng cao áp (HPLC). Xuất xứ G7.	ml	140.000
274	HC-274	Bộ hóa chất hiệu chuẩn Hemoglobin A1c	Bộ hóa chất hiệu chuẩn Hemoglobin A1c. Mục đích: Hiệu chuẩn các máy phân tích Glycohemoglobin tự động. Đặc tính: Sử dụng A1c ổn định để hiển thị kết quả xét nghiệm. Xuất xứ G7.	hộp	5
275	HC-275	Bộ hóa chất kiểm chứng Hemoglobin A1c	Bổ sung (Bộ hóa chất kiểm chứng Hemoglobin A1c): Mục đích: Kiểm soát chất lượng máy phân tích Glycohemoglobin tự động (chuẩn và biến thể). Ứng dụng: Đánh giá và theo dõi chất lượng xét nghiệm HbA1c. Thành phần: Hai mức chuẩn HbA1c (% hoặc mmol/mol). Xuất xứ G7.	hộp	7
276	HC-276	Test thử nhanh phát hiện kháng thể virus viêm gan C	Phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần của người.	test	800
277	HC-277	Test thử nhanh phát hiện kháng thể HBs (Anti-HBs)	Test HBsAb định tính dùng để phát hiện kháng thể kháng vi rút viêm gan B trong huyết thanh hoặc huyết tương của người.	test	2.000
278	HC-278	Test thử nhanh phát hiện kháng thể HBe (Anti-HBe)	Phát hiện HBeAb trong máu toàn phần, huyết thanh và huyết tương của người.	test	100

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
279	HC-279	Test thử nhanh phát hiện kháng nguyên virus viêm gan B (HBeAg)	Phát hiện HBeAg trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người.	test	200
280	HC-280	Test thử nhanh phát hiện kháng thể HBc (Anti-HBc)	Test HBcAb định tính dùng để phát hiện sự có mặt của HBcAb trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người.	test	100
281	HC-281	Test thử nhanh phát hiện kháng thể HIV	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1, bao gồm type phụ O và HIV-2, đồng thời phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. Không có phản ứng chéo với các mẫu thẩm tách máu, mẫu rối loạn đông máu, mẫu chứa yếu tố dạng thấp, mẫu dương tính với kháng thể kháng HCV và mẫu máu của phụ nữ mang thai.	test	1.800
282	HC-282	Test thử nhanh phát hiện kháng thể giang mai	Phát hiện kháng thể Giang mai trong mẫu huyết thanh, huyết tương. Xuất xứ G7.	test	400
283	HC-283	Test thử nhanh phát hiện kháng nguyên sốt rét Plasmodium falciparum và Plasmodium vivax	Phát hiện và phân biệt giữa HRP2 (protein II giàu histidine) đặc hiệu cho Plasmodium falciparum và pLDH (Plasmodium lactate dehydrogenase) đặc hiệu cho Plasmodium vivax trong máu toàn phần của người. Xuất xứ G7.	test	100
284	HC-284	Test thử nhanh phát hiện kháng thể IgG và IgM của virus Dengue	Phát hiện kháng thể IgG và IgM của virus Dengue trong mẫu huyết thanh, huyết tương người.	test	1.000
285	HC-285	Test thử nhanh phát hiện kháng nguyên của virus Dengue	Phát hiện kháng nguyên NS1 của virus Dengue trong mẫu huyết thanh, huyết tương người.	test	2.200
286	HC-286	Test thử nhanh phát hiện 5 chất gây nghiện trong nước tiểu Amphetamin, Marijuana, Morphin, Codein, Heroin	Test nhanh xét nghiệm định tính, đồng thời phát hiện 5 chất gây nghiện: Amphetamin, Marijuana, Morphin, Codein, Heroin trong nước tiểu. Xuất xứ: G7	test	400
287	HC-287	Test thử nhanh phát hiện Morphine (MOP) trong nước tiểu	Phát hiện Morphin/Heroin trong mẫu nước tiểu. Dạng: Que nhúng, thực hiện trên mẫu nước tiểu. Xuất xứ G7.	test	500
288	HC-288	Test thử nhanh phát hiện Amphetamine (AMP) trong nước tiểu	Phát hiện Amphetamin trong mẫu nước tiểu. Dạng: Que nhúng, thực hiện trên mẫu nước tiểu tươi. Xuất xứ G7.	test	500
289	HC-289	Test thử nhanh phát hiện Methamphetamin (MET) trong nước tiểu	Phát hiện Methamphetamin trong mẫu nước tiểu. Dạng: Que nhúng, thực hiện trên mẫu nước tiểu tươi. Xuất xứ G7.	test	500

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
290	HC-290	Test thử nhanh phát hiện Marijuana (THC) trong nước tiểu	Phát hiện Marijuana (THC) trong mẫu nước tiểu. Dạng: Que nhúng, thực hiện trên mẫu nước tiểu tươi. Xuất xứ G7.	test	500
291	HC-291	Test thử nhanh phát hiện Codein trong nước tiểu	Phát hiện Codein trong mẫu nước tiểu. Xuất xứ G7.	Test	900
292	HC-292	Xét nghiệm Salmonella Widals	Bộ xét nghiệm Salmonella Widals gồm: S. Paratyphi AO, AH, BO, BH, CO, CH S. Typhi O, H Kiểm soát âm tính và kiểm soát dương tính.	ml	720
293	HC-293	Test xét nghiệm TOXOCARA CANIS IgG	Phát hiện kháng thể kháng Toxocara trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Xuất xứ G7.	test	1.536
294	HC-294	Test thử nhanh xét nghiệm Troponin I trong máu	Test nhanh xác định tình trạng hoại tử cơ tim bằng Troponin I. Dạng: Cassette, có thể thực hiện trên máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương. Xuất xứ G7.	test	50
295	HC-295	Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm GN TEST KIT	Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm được sử dụng trên hệ thống VITEK-2 để định danh tự động các trực khuẩn Gram âm lên men và không lên men. Thẻ GN dựa trên các phương pháp hóa sinh đã được thiết lập, kết hợp với các cơ chất mới để đánh giá việc sử dụng nguồn carbon, hoạt tính enzym và tính kháng. Cấu trúc: Thẻ nhựa 64 giếng, gồm 47 xét nghiệm hóa sinh và 1 giếng đối chứng âm. Hóa chất đã được sử dụng để tham gia chương trình ISO 15189. Xuất xứ G7.	card	4.320
296	HC-296	Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương GP TEST KIT	Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương được sử dụng trên hệ thống để định danh tự động các vi khuẩn Gram dương. Thẻ GP dựa trên các phương pháp hóa sinh đã được thiết lập và các cơ chất mới phát triển. Cấu trúc: Thẻ nhựa 64 giếng, gồm 43 xét nghiệm hóa sinh và 1 giếng đối chứng âm. Chức năng: Đánh giá việc sử dụng nguồn carbon, hoạt động enzym và tính kháng. Hóa chất đã được sử dụng để tham gia chương trình ISO 15189. Xuất xứ G7.	card	1.440

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
297	HC-297	Thẻ kháng sinh đồ Gram âm (AST-N240)	Thẻ kháng sinh đồ Gram âm được sử dụng trên hệ thống trong phòng xét nghiệm như một thử nghiệm in vitro để xác định độ nhạy cảm của các trực khuẩn Gram âm. Tương thích với máy VITEK 2 Compact. Hóa chất đã được sử dụng để tham gia chương trình ISO 15189. Xuất xứ G7.	card	480
298	HC-298	Thẻ kháng sinh đồ Gram dương (AST-GP67)	Thẻ kháng sinh đồ Gram dương được sử dụng trên hệ thống trong phòng xét nghiệm lâm sàng như một xét nghiệm in vitro để xác định độ nhạy cảm kháng sinh của vi sinh vật. Tương thích với máy VITEK 2 Compact. Hóa chất đã được sử dụng để tham gia chương trình ISO 15189. Xuất xứ G7.	card	1.440
299	HC-299	Ống nhựa	Ống nhựa plastic, kích thước 12x75 mm, dùng để pha loãng mẫu xét nghiệm Bảo quản ở nhiệt độ môi trường bình thường. Xuất xứ G7.	card	18.000
300	HC-300	Chất pha loãng cho việc xử lý tự động của máy định danh tự động	Dung dịch nước muối 0.45% (SALINE SOLUTION 0.45% NaCl) được sử dụng để chuẩn bị thủ công huyền dịch vi sinh vật trước khi tiến hành định danh và thử nghiệm tính nhạy cảm kháng sinh trên các thiết bị	lít	60
301	HC-301	Thẻ định danh cho Neisseria/Haemophilus-NH	Thẻ định danh NH dùng để định danh vi khuẩn Neisseria/Haemophilus và các vi khuẩn khó mọc khác trên hệ thống máy định danh và kháng sinh đồ tự động. Thẻ NH dựa trên các phương pháp hóa sinh đã được thiết lập và các cơ chất phát triển mới để đánh giá việc sử dụng nguồn carbon và hoạt tính enzym. Thẻ nhựa 64 giếng, gồm 30 xét nghiệm hóa sinh và một giếng đối chứng âm. Xuất xứ G7.	card	40
302	HC-302	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram âm AST-N415; N428; N439)	Thẻ kháng sinh đồ Gram âm được sử dụng với hệ thống VITEK 2 Compact trong phòng xét nghiệm lâm sàng như một xét nghiệm in vitro để xác định độ nhạy cảm kháng sinh của vi sinh vật khi sử dụng theo đúng hướng dẫn trong tài liệu Thông tin sản phẩm. Thẻ xét nghiệm kháng sinh đồ được phủ ít nhất 18-20 loại kháng sinh. Hóa chất đã được sử dụng để tham gia chương trình ISO 15189. Xuất xứ G7.	card	3.940

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
303	HC-303	Thẻ kháng sinh đồ Liên cầu AST-ST03	Thẻ kháng sinh đồ Gram dương AST-ST03: Mục đích: Xác định độ nhạy cảm kháng sinh của S. pneumoniae, beta-hemolytic Streptococcus và Viridans Streptococcus. Thành phần:Ampicillin NS2 Benzylpenicillin NS2 Cefotaxime Ceftriaxone NS2 Chloramphenicol Clindamycin C Erythromycin Gentamicin Inducible Clindamycin Resistance S. agalactiae S. pyogenes Levofloxacin Linezolid NS Moxifloxacin Rifampicin Teicoplanin Tetracycline Tigecycline NS Trimethoprim/Sulfamethoxazole C Vancomycin NS Xuất xứ G7.	card	40
304	HC-304	MacConkey Agar	Môi trường chọn lọc và phân biệt giúp phân biệt coliforms và các vi khuẩn không lên men lactose, đồng thời ức chế vi khuẩn Gram dương. Dạng: Bột mịn, màu rơm. Thành phần (g/L): Peptone: Lactose: Bile salts Sodium chloride: Neutral red: Crystal violet Agar: pH: Xuất xứ G7.	chai	10
305	HC-305	Sabouraud Dextrose Agar	Môi trường pH axit được sử dụng để phân lập nấm da, các loại nấm và nấm men khác. Dạng: Bột mịn. Xuất xứ G7.	chai	1

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
306	HC-306	Mueller Hinton Agar	Môi trường thử nghiệm nhạy cảm kháng sinh có thể được sử dụng trong các quy trình tiêu chuẩn được quốc tế công nhận. Dạng: Bột mịn. Thành phần (g/L): Beef, dehydrated infusion from: Casein hydrolysate: Starch: Agar: pH: Bảo quản: 10 - 30°C. Xuất xứ G7.	Hộp	9
307	HC-307	Thioglycolate Broth USP	Canh thang Thioglycollate, Alternative là môi trường thioglycollate không nhớt, được sử dụng để nuôi cấy các sản phẩm sinh học có độ đục. Dạng: Bột mịn, màu rơm. Sau khi hoàn nguyên: Dung dịch màu vàng rơm. Độ pH: Xuất xứ G7.	Hộp	1
308	HC-308	BRAIN HEART INFUSION BROTH	Môi trường dinh dưỡng cao được sử dụng để nuôi cấy streptococci, Neisseria và các vi khuẩn khó mọc khác. Dạng: Bột mịn, màu rơm. Thành phần (g/L): Brain infusion solids: Beef heart infusion solids: Proteose peptone: Glucose: Sodium chloride: Disodium phosphate: pH: Bảo quản: 10 - 30°C. Xuất xứ G7.	Hộp	2
309	HC-309	Skim Milk Powder	Skim Milk Powder là bột sữa tách béo dạng phun khô, không chứa vi sinh vật ưa nhiệt, được sử dụng làm môi trường nuôi cấy vi sinh. Xuất xứ G7.	Hộp	1
310	HC-310	Đĩa Blood Agar Base	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để nuôi cấy phổ rộng, phân lập hầu hết các loại vi sinh vật và phù hợp để xác định loại tan máu. Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường nuôi cấy và thử tính chất tan máu của hầu hết các loại vi sinh vật, bao gồm cả vi sinh vật khó mọc (trừ Haemophilus và Neisseria). Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Proteose peptone, Liver digest, Yeast extract, Sodium chloride, Sheep blood, Agar.	đĩa	9.600

TT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
311	HC-311	Đĩa MacConkey Agar	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường phân lập và phân biệt, được sử dụng để phát hiện các vi khuẩn Enterobacteriaceae trong các mẫu bệnh phẩm có nguồn gốc lâm sàng. Kích thước: Đĩa 90 mm. Bao gói: Màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Peptone, Lactose, Bile salts, Sodium chloride, Neutral red, Crystal violet, Agar.	đĩa	9.600
312	HC-312	Đĩa Chocolate Agar + MultiVitox	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để nuôi cấy và phân lập các loài Haemophilus trong mẫu bệnh phẩm từ đường hô hấp. Kích thước: Đĩa 90 mm. Bao gói: Màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Special peptone, Starch, Sodium chloride, Defibrinated Horse blood, MultiVitox, Bacitracin, Agar.	đĩa	1.200
313	HC-313	Chai cấy máu hiếu khí người lớn	Môi trường nuôi cấy dùng để phát hiện nhiễm trùng huyết, tương thích với máy cấy máu tự động. Xuất xứ G7.	chai	9.600
314	HC-314	Bộ nhuộm Gram	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Gram, bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm: Crystal Violet, Lugol, Alcohol và Safranine.	hộp	3
315	HC-315	Thuốc nhuộm Giesma	"Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Giemsa.	Hộp	6
316	HC-316	Hóa chất nhuộm dùng trong y tế	Thành phần: Brilliant Cresyl Blue, NaCl	Chai	6
317	HC-317	Bộ nhuộm BK đàm	Bộ nhuộm Ziehl-Neelsen dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi, bao gồm 3 dung dịch thuốc nhuộm: Carbol Fuchsin (chai 100 mL) Alcohol Acid (Hydrochloric Acid in Ethanol) (chai 100 mL) Methylene Blue (chai 100 mL).	Bộ	17
318	HC-318	Môi trường Brain Heart Infusion Broth	Ống nhựa chứa 5 ml môi trường lỏng dinh dưỡng cao dùng để nuôi cấy các loại vi sinh vật, kể cả vi sinh vật khó tính. Thành phần: Brain infusion solids Beef heart infusion solids Proteose peptone Sodium chloride Glucose Disodium phosphate Thông tin sản phẩm:	Ống	500

STT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
319	HC-319	Đĩa Hektoen Enteric Agar HEA	Đĩa thạch đổ sẵn được sử dụng để nuôi cấy và phân lập các mầm bệnh vi khuẩn Gram âm đường ruột. Kích thước: Đĩa 90 mm Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane có tính năng chống ẩm, giúp đảm bảo chất lượng trong quá trình bảo quản và dễ dàng phân hủy, bảo vệ môi trường. Thành phần: Proteose peptone Yeast extract Lactose Sucrose Salicin Bile salts No.3 Sodium chloride Sodium thiosulphate Ammonium ferric citrate Acid fuchsin Bromothymol blue Agar Thông tin sản phẩm: pH: 7.5 ± 0.2 ở 25°C	Đĩa	1.200
320	HC-320	Ống nghiệm EDTA nắp cao su	Ống nghiệm có kích thước 12 × 75 mm (chiều dài 75 mm, đường kính ngoài 12 mm), được sản xuất từ nhựa Polypropylene (PP) nguyên sinh, không độc và được phép sử dụng trong y tế. Thể tích chứa tối đa: 6 mL ± 0,5 mL. Thể tích lấy máu: 2 mL, có vạch định mức trên nhãn.	Ống	180.000
321	HC-321	Ống nghiệm Heparin	Ống nghiệm có kích thước 12 × 75 mm (chiều dài 75 mm, đường kính ngoài 12 mm), được sản xuất từ nhựa Polypropylene (PP) nguyên sinh, không độc và được phép sử dụng trong y tế. Thể tích chứa tối đa: 6 mL ± 0,5 mL. Thể tích lấy máu: 2 mL, có vạch định mức trên nhãn.	Ống	252.000
322	HC-322	Ống nghiệm Citrat	Ống nghiệm có kích thước 12 × 75 mm (chiều dài 75 mm, đường kính ngoài 12 mm), được sản xuất từ nhựa Polypropylene (PP) nguyên sinh, không độc và được phép sử dụng trong y tế. Thể tích chứa tối đa: 6 mL ± 0,5 mL. Thể tích lấy máu: 2 mL, có vạch định mức trên nhãn.	Ống	72.000
323	HC-323	Ống nghiệm Serum	Ống nghiệm có kích thước 12 × 75 mm (chiều dài 75 mm, đường kính ngoài 12 mm). Phù hợp tiêu chuẩn TCVN 7612:2007. Chất phụ gia: Silica và hạt PS.	Ống	18.000
324	HC-324	Ống nghiệm nhỏ PS không nắp 5ml	Chất liệu: nhựa PS, kích thước 12 × 75 mm, không nắp.	Ống	40.000
325	HC-325	Ống nghiệm lớn PS có nắp 7ml	Ống nghiệm nhựa PS 7 mL HTM có độ pH trung tính và bề mặt trơn láng cao. Kích thước: 13 × 100 mm.	Ống	100.000
326	HC-326	Lọ nhựa PS tiệt trùng có nhãn	Nắp màu đỏ, thể tích lọ: 50 mL. Đã tiệt trùng.	Lọ	15.000

STT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
327	HC-327	Lọ nhựa PS nước tiểu có nhãn	Nắp màu đỏ, thể tích lọ 50ml.	Lọ	15.000
328	HC-328	Đĩa petri 90	Hộp nhựa vô trùng, đường kính 90 mm, thích hợp để đựng thạch môi trường đổ sẵn.	Cái	12.000
329	HC-329	Tăm bông lấy mẫu vô trùng	Que gòn xét nghiệm trong ống, đã tiệt trùng, thân que bằng gỗ, một đầu gòn, dài 16 cm.	Cái	18.000
330	HC-330	Tube huyết thanh 1,5ml	Ống ly tâm mẫu xét nghiệm, có nắp đậy, dung tích 1,5 mL.	cái	24.000
331	HC-331	Sample cup (cốc đựng mẫu)	Dung tích: 2,5 mL (Mẫu Cup). Kích thước: 16 × 38 mm.	Cái	6.000
332	HC-332	Đầu col vàng không khía	Được làm từ nhựa y tế PP. Sử dụng để gắn trong cây pipet và lấy mẫu xét nghiệm. Đảm bảo lấy mẫu chính xác. Đầu col được thiết kế ôm kín đầu micropipet, đảm bảo lực hút, không dính nước ở thành trong, giúp duy trì dung tích chính xác khi bơm. Thể tích: 0–200 µL.	Cái	60.000
333	HC-333	Đầu col xanh	Được làm từ nhựa y tế PP. Sử dụng để gắn vào cây pipet và lấy mẫu xét nghiệm. Đảm bảo lấy mẫu chính xác. Đầu col được thiết kế ôm kín đầu micropipet, đảm bảo lực hút, không dính nước ở thành trong, giúp duy trì dung tích chính xác khi bơm. Thể tích: 0–1000 µL.	Cái	20.000
334	HC-334	Lam men 22x22mm	Tất cả các lamen được làm từ kính hydrolytical đặc biệt, không có bất kỳ sai sót nào. Mặt cắt chính xác, mỗi lam kính được lựa chọn cẩn thận và an toàn. Trong suốt, thích hợp để quan sát dưới kính hiển vi huỳnh quang. Kích thước: 22 × 22 mm. Độ dày: 0,16 mm – 0,19 mm.	tấm	5.000
335	HC-335	Lancet (kim lấy máu)	Được sản xuất từ thép carbon, đầu mũi kim vát nhọn theo công nghệ hiện đại. Tiệt trùng từng cây.	cái	5.000
336	HC-336	Lam kính trắng	Độ dày: 1.0 - 1.2mm. Kích thước: 25.4 x 76.2mm (1" x 3") Vật liệu cấu thành: kính.	tấm	28.800
337	HC-337	Lam kính đầu nhám	Độ dày: 1,0 – 1,2 mm. Kích thước: 25,4 × 76,2 mm (1" × 3"). Vật liệu: kính.	tấm	25.200
338	HC-338	Đầu col có lọc 200ul (Đầu lọc dung dịch tiệt trùng 200ul)	Đầu côn lọc 200 µL, chất liệu nhựa PP, không chứa kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại pipet trên thị trường. Đóng gói: 96 chiếc/hộp. Tiệt trùng bằng khí EO.	cái	9.600

STT	Mã SP	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
339	HC-339	Đầu col có lọc 1000ul (Đầu lọc dung dịch tiệt trùng 1000ul)	Đầu côn lọc 1250 µL, chất liệu nhựa PP, không chứa kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại pipet trên thị trường. Đóng gói: 96 chiếc/hộp. Tiệt trùng bằng khí EO.	cái	9.600
340	HC-340	Que cấy vi sinh dạng vòng tròn, chất liệu nhựa 1µl	Que cấy nhựa vô trùng dùng để cấy vào đĩa thạch.	cái	2.500
Tổng 340 mặt hàng					

Lưu ý: Chúng tôi cung cấp các thông số kỹ thuật cơ bản về cấu hình và tính năng của các thiết bị và hệ thống để quý Công ty tham khảo và gửi báo giá. Trong báo giá, quý Công ty có thể đề xuất các sản phẩm sẵn có của mình, miễn là đáp ứng hoặc tương đương với các thông số và đặc tính đã nêu.

Mẫu báo giá

Tên, địa chỉ thông tin liên hệ của nhà cung cấp……

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Cà Mau

Đơn vị tính là Việt Nam Đồng (VND)

Stt	Danh mục thiết bị y tế (1)	Tên thương mại của sản phẩm (2)	Ký, mã, nhãn hiệu, model (3)	Mã HS (4)	Năm sản xuất (5)	Hãng sản xuất (6)	Nước sản xuất (7)	Xuất xứ (8)	Số lượng/ khối lượng (9)	Đơn giá (10)	Thành tiền (11)	Mã SP (12)
1												
2												
3												
…												
Tổng												

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ..[ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các trang thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

…., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp (13)

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" (tên hàng hoá) trong Yêu cầu báo giá.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi tên thương mại của hàng hoá do Hãng sản xuất, nhà cung cấp chào bán tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế

(5), (6), (7), (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, Hãng -nước sản xuất và xuất xứ của thiết bị y tế

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng trang thiết bị y tế. Đơn giá đã bao gồm thuế, phí vận chuyển, lệ phí và tất cả dịch vụ liên quan (nếu có)

(11) Thành tiền = đơn giá x số lượng/khối lượng

(12) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi mã hàng hoát theo cột mã hàng hoá tương ứng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(13) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá